

Số: 33 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 18 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá đất cụ thể và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
tại Khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 17/TTr-STNMT ngày 12/01/2016 và Văn bản thẩm định số 06/HĐTĐGD ngày 04/01/2016 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư mới - Khu trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo).

Điều 2. UBND huyện Ngọc Hồi có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hồi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ ĐẤT CỤ THỂ VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM
ĐỂ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ MỚI
THUỘC KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH MỚI HUYỆN NGỌC HỒI**
(kèm theo Quyết định số: 33 /QĐ-UBND ngày 18 /01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Tên đường	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Giá đất theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng/lô)
	KHU VI		10.548			5.481.310.000
1	Đường quy hoạch (lô góc)	1	125,5	230.000	575.000,0	72.162.500
2	Đường quy hoạch	2	150	230.000	460.000,0	69.000.000
3	Đường quy hoạch	3	150	230.000	460.000,0	69.000.000
4	Đường quy hoạch	4	150	230.000	460.000,0	69.000.000
5	Đường quy hoạch	5	150	230.000	460.000,0	69.000.000
6	Đường quy hoạch	6	150	230.000	460.000,0	69.000.000
7	Đường quy hoạch	7	150	230.000	460.000,0	69.000.000
8	Đường quy hoạch (lô góc)	8	109,5	230.000	575.000,0	62.962.500
9	Đường quy hoạch (lô đôi)	9	150	230.000	575.000,0	86.250.000
10	Đường quy hoạch (lô đôi)	10	150	230.000	575.000,0	86.250.000
11	Đường quy hoạch	11	180	230.000	460.000,0	82.800.000
12	Đường quy hoạch	12	180	230.000	460.000,0	82.800.000
13	Đường quy hoạch	13	180	230.000	460.000,0	82.800.000
14	Đường quy hoạch	14	180	230.000	460.000,0	82.800.000
15	Đường quy hoạch	15	180	230.000	460.000,0	82.800.000
16	Đường quy hoạch	16	180	230.000	460.000,0	82.800.000
17	Đường quy hoạch	17	180	230.000	460.000,0	82.800.000
18	Đường quy hoạch	18	180	230.000	460.000,0	82.800.000
19	Đường quy hoạch	19	180	230.000	460.000,0	82.800.000
20	Đường quy hoạch	20	180	230.000	460.000,0	82.800.000
21	Đường quy hoạch	21	180	230.000	460.000,0	82.800.000
22	Đường quy hoạch	22	180	230.000	460.000,0	82.800.000
23	Đường quy hoạch	23	180	230.000	460.000,0	82.800.000
24	Đường quy hoạch	24	180	230.000	460.000,0	82.800.000
25	Đường quy hoạch	25	180	230.000	460.000,0	82.800.000
26	Đường quy hoạch	26	180	230.000	460.000,0	82.800.000
27	Đường quy hoạch	27	180	230.000	460.000,0	82.800.000
28	Đường quy hoạch	28	180	230.000	460.000,0	82.800.000

29	Đường quy hoạch	29	180	230.000	460.000,0	82.800.000
30	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	30	240	600.000	900.000,0	216.000.000
31	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	31	162	600.000	780.000,0	126.360.000
32	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	32	150	600.000	780.000,0	117.000.000
33	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	33	150	600.000	780.000,0	117.000.000
34	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	34	150	600.000	780.000,0	117.000.000
35	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	35	150	600.000	780.000,0	117.000.000
36	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	36	150	600.000	780.000,0	117.000.000
37	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	37	150	600.000	780.000,0	117.000.000
38	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	38	229	600.000	900.000,0	206.100.000
39	Đường quy hoạch	39	180	230.000	460.000,0	82.800.000
40	Đường quy hoạch	40	180	230.000	460.000,0	82.800.000
41	Đường quy hoạch	41	180	230.000	460.000,0	82.800.000
42	Đường quy hoạch	42	180	230.000	460.000,0	82.800.000
43	Đường quy hoạch	43	180	230.000	460.000,0	82.800.000
44	Đường quy hoạch	44	180	230.000	460.000,0	82.800.000
45	Đường quy hoạch	45	180	230.000	460.000,0	82.800.000
46	Đường quy hoạch	46	180	230.000	460.000,0	82.800.000
47	Đường quy hoạch	47	180	230.000	460.000,0	82.800.000
48	Đường quy hoạch	48	180	230.000	460.000,0	82.800.000
49	Đường quy hoạch	49	180	230.000	460.000,0	82.800.000
50	Đường quy hoạch	50	180	230.000	460.000,0	82.800.000
51	Đường quy hoạch	51	180	230.000	460.000,0	82.800.000
52	Đường quy hoạch	52	180	230.000	460.000,0	82.800.000
53	Đường quy hoạch	53	180	230.000	460.000,0	82.800.000
54	Đường quy hoạch	54	180	230.000	460.000,0	82.800.000
55	Đường quy hoạch	55	180	230.000	460.000,0	82.800.000
56	Đường quy hoạch	56	180	230.000	460.000,0	82.800.000
57	Đường quy hoạch	57	216	230.000	460.000,0	99.360.000
58	Đường quy hoạch	58	210	230.000	460.000,0	96.600.000
59	Đường quy hoạch	59	173	230.000	460.000,0	79.580.000
60	Đường quy hoạch	60	136	230.000	460.000,0	62.560.000
61	Đường quy hoạch (lô tam giác)	61	187	230.000	575.000,0	107.525.000

	KHU V		5.053			2.940.295.000
62	Đường quy hoạch (lô góc)	62	175,5	230.000	575.000,0	100.912.500
63	Đường quy hoạch (lô đôi)	63	200	230.000	575.000,0	115.000.000
64	Đường quy hoạch	64	150	230.000	460.000,0	69.000.000
65	Đường quy hoạch	65	150	230.000	460.000,0	69.000.000
66	Đường quy hoạch	66	150	230.000	460.000,0	69.000.000
67	Đường quy hoạch (lô góc)	67	175,5	230.000	575.000,0	100.912.500
68	Đường quy hoạch (lô đôi)	68	200	230.000	575.000,0	115.000.000
69	Đường quy hoạch	69	150	230.000	460.000,0	69.000.000
70	Đường quy hoạch	70	150	230.000	460.000,0	69.000.000
71	Đường quy hoạch	71	150	230.000	460.000,0	69.000.000
72	Đường quy hoạch	72	150	230.000	460.000,0	69.000.000
73	Đường quy hoạch	73	150	230.000	460.000,0	69.000.000
74	Đường quy hoạch	74	150	230.000	460.000,0	69.000.000
75	Đường quy hoạch	75	150	230.000	460.000,0	69.000.000
76	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	76	248	600.000	900.000,0	223.200.000
77	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	77	150	600.000	780.000,0	117.000.000
78	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	78	150	600.000	780.000,0	117.000.000
79	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	79	150	600.000	780.000,0	117.000.000
80	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	80	150	600.000	780.000,0	117.000.000
81	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	81	150	600.000	780.000,0	117.000.000
82	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	82	150	600.000	780.000,0	117.000.000
83	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	83	244	600.000	900.000,0	219.600.000
84	Đường quy hoạch	84	150	230.000	460.000,0	69.000.000
85	Đường quy hoạch	85	150	230.000	460.000,0	69.000.000
86	Đường quy hoạch	86	150	230.000	460.000,0	69.000.000
87	Đường quy hoạch	87	150	230.000	460.000,0	69.000.000
88	Đường quy hoạch	88	150	230.000	460.000,0	69.000.000
89	Đường quy hoạch	89	150	230.000	460.000,0	69.000.000
90	Đường quy hoạch	90	150	230.000	460.000,0	69.000.000
91	Đường quy hoạch	91	142	230.000	460.000,0	65.320.000
92	Đường quy hoạch (lô tam giác)	92	218	230.000	575.000,0	125.350.000
	KHU IV		7.788			4.197.395.000
93	Đường quy hoạch (lô góc)	93	175,5	230.000	575.000,0	100.912.500

94	Đường quy hoạch (lô đôi)	94	200	230.000	575.000,0	115.000.000
95	Đường quy hoạch	95	150	230.000	460.000,0	69.000.000
96	Đường quy hoạch	96	150	230.000	460.000,0	69.000.000
97	Đường quy hoạch	97	150	230.000	460.000,0	69.000.000
98	Đường quy hoạch (lô góc)	98	175,5	230.000	575.000,0	100.912.500
99	Đường quy hoạch (lô đôi)	99	200	230.000	575.000,0	115.000.000
100	Đường quy hoạch	100	150	230.000	460.000,0	69.000.000
101	Đường quy hoạch	101	150	230.000	460.000,0	69.000.000
102	Đường quy hoạch	102	150	230.000	460.000,0	69.000.000
103	Đường quy hoạch	103	150	230.000	460.000,0	69.000.000
104	Đường quy hoạch	104	150	230.000	460.000,0	69.000.000
105	Đường quy hoạch	105	150	230.000	460.000,0	69.000.000
106	Đường quy hoạch	106	150	230.000	460.000,0	69.000.000
107	Đường quy hoạch	107	150	230.000	460.000,0	69.000.000
108	Đường quy hoạch	108	150	230.000	460.000,0	69.000.000
109	Đường quy hoạch	109	150	230.000	460.000,0	69.000.000
110	Đường quy hoạch	110	150	230.000	460.000,0	69.000.000
111	Đường quy hoạch	111	150	230.000	460.000,0	69.000.000
112	Đường quy hoạch	112	150	230.000	460.000,0	69.000.000
113	Đường quy hoạch	113	150	230.000	460.000,0	69.000.000
114	Đường quy hoạch	114	150	230.000	460.000,0	69.000.000
115	Đường quy hoạch (lô góc)	115	225	230.000	575.000,0	129.375.000
116	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	116	184	600.000	900.000,0	165.600.000
117	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	117	172	600.000	780.000,0	134.160.000
118	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	118	150	600.000	780.000,0	117.000.000
119	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	119	150	600.000	780.000,0	117.000.000
120	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	120	150	600.000	780.000,0	117.000.000
121	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	121	150	600.000	780.000,0	117.000.000
122	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài)	122	150	600.000	780.000,0	117.000.000
123	Đường quy hoạch	123	150	230.000	460.000,0	69.000.000
124	Đường quy hoạch	124	150	230.000	460.000,0	69.000.000
125	Đường quy hoạch	125	150	230.000	460.000,0	69.000.000
126	Đường quy hoạch	126	150	230.000	460.000,0	69.000.000

127	Đường quy hoạch	127	150	230.000	460.000,0	69.000.000
128	Đường quy hoạch	128	150	230.000	460.000,0	69.000.000
129	Đường quy hoạch	129	150	230.000	460.000,0	69.000.000
130	Đường quy hoạch	130	150	230.000	460.000,0	69.000.000
131	Đường quy hoạch	131	150	230.000	460.000,0	69.000.000
132	Đường quy hoạch	132	150	230.000	460.000,0	69.000.000
133	Đường quy hoạch	133	150	230.000	460.000,0	69.000.000
134	Đường quy hoạch	134	150	230.000	460.000,0	69.000.000
135	Đường quy hoạch	135	150	230.000	460.000,0	69.000.000
136	Đường quy hoạch	136	150	230.000	460.000,0	69.000.000
137	Đường quy hoạch	137	150	230.000	460.000,0	69.000.000
138	Đường quy hoạch	138	150	230.000	460.000,0	69.000.000
139	Đường quy hoạch	139	146	230.000	460.000,0	67.160.000
140	Đường quy hoạch (lô tam giác)	140	233	230.000	575.000,0	133.975.000
141	Đường Nguyễn Sinh Sắc (nối dài), (lô góc)	141	227	600.000	900.000,0	204.300.000
	TỔNG CỘNG	141	23.389			12.619.000.000